

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

Số: 837/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*An Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

**KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH  
CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

*Kỳ báo cáo: Năm 2020*

*(Từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/12/2020)*

Kính gửi: Văn Phòng Chính phủ

*Đơn vị tính: TTHC, VB,*

**I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG**

| STT | Tên cơ quan, đơn vị thực hiện | Số lượng quyết định công bố | Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố | Số lượng TTHC đã được công bố |                   |                       |             | Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai |                                        | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo |
|-----|-------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                               |                             |                                                  | Tổng số                       | TTHC quy định mới | TTHC sửa đổi, bổ sung | TTHC bãi bỏ | Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)   | Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai) |                                                                                    |
| (1) | (2)                           | (3)                         | (4)                                              | (5)                           | (6)               | (7)                   | (8)         | (9)                                              | (10)                                   | (11)                                                                               |
| 1   | Ban quản lý Khu kinh tế       | 1                           | 0                                                | 48                            | 0                 | 0                     | 0           | 0                                                | 0                                      | 48                                                                                 |
| 2   | Sở Công thương                | 1                           | 0                                                | 45                            | 6                 | 34                    | 8           | 54                                               | 8                                      | 126                                                                                |
| 3   | Sở Giáo dục và Đào tạo        | 2                           | 0                                                | 5                             | 2                 | 2                     | 1           | 4                                                | 1                                      | 82                                                                                 |

|    |                                        |           |           |             |            |            |            |             |            |             |
|----|----------------------------------------|-----------|-----------|-------------|------------|------------|------------|-------------|------------|-------------|
| 4  | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  | 4         | 0         | 17          | 3          | 14         | 0          | 17          | 0          | 17          |
| 5  | Sở Khoa học và Công nghệ               | 1         | 0         | 68          | 2          | 2          | 3          | 68          | 0          | 68          |
| 6  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    | 3         | 8         | 18          | 10         | 6          | 2          | 16          | 0          | 96          |
| 7  | Sở Ngoại vụ                            | 1         | 2         | 4           | 4          | 0          | 0          | 4           | 0          | 4           |
| 8  | Sở Nội vụ                              | 2         | 0         | 1           | 0          | 1          | 0          | 1           | 0          | 81          |
| 9  | Sở Tài nguyên và Môi trường            | 2         | 0         | 20          | 3          | 9          | 8          | 12          | 0          | 83          |
| 10 | Sở Thông tin và truyền thông           | 3         | 3         | 38          | 1          | 14         | 0          | 15          | 0          | 38          |
| 11 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch        | 1         | 0         | 123         | 118        | 5          | 0          | 123         | 0          | 123         |
| 12 | Sở Xây dựng                            | 3         | 0         | 61          | 8          | 30         | 29         | 38          | 29         | 61          |
| 13 | Sở Y tế                                | 1         | 28        | 154         | 154        | 6          | 37         | 6           | 37         | 154         |
| 14 | Thanh tra                              | 2         | 0         | 10          | 0          | 1          | 0          | 10          | 0          | 10          |
| 15 | Sở Giao thông Vận tải                  | 4         | 6         | 30          | 3          | 23         | 4          | 26          |            | 100         |
| 16 | Sở Tài chính                           | 2         | 6         | 24          | 0          | 0          | 24         | 29          | 24         | 29          |
| 17 | Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | 7         | 0         | 66          | 18         | 14         | 15         | 19          | 66         | 133         |
| 18 | Sở Tư pháp                             | 7         | 0         | 165         | 62         | 50         | 53         | 112         | 53         | 67          |
| 19 | Ban Dân tộc                            | 0         | 0         | 2           | 2          | 0          | 0          | 2           | 0          | 2           |
| 20 | UBND cấp huyện                         |           |           | 363         | 33         | 9          | 22         | 363         | 0          | 363         |
| 21 | UBND cấp xã                            |           |           | 177         | 17         | 0          | 13         | 177         | 0          | 187         |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                       | <b>47</b> | <b>53</b> | <b>1439</b> | <b>446</b> | <b>220</b> | <b>219</b> | <b>1096</b> | <b>218</b> | <b>1872</b> |

## II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

| STT | Tên cơ quan, đơn vị thực hiện | Số lượng quyết định công bố | Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố | Số lượng TTHC đã được công bố |                   |                       |             | Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai |                                        | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo |
|-----|-------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                               |                             |                                                  | Tổng số                       | TTHC quy định mới | TTHC sửa đổi, bổ sung | TTHC bãi bỏ | Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)   | Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai) |                                                                                    |
| (1) | (2)                           | (3)                         | (4)                                              | (5)                           | (6)               | (7)                   | (8)         | (9)                                              | (10)                                   | (11)                                                                               |
| 1   | Sở Ngoại vụ An Giang          | 3                           | 1                                                | 3                             | 3                 | 0                     | 3           | 3                                                | 3                                      | 3                                                                                  |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b>3</b>                    | <b>1</b>                                         | <b>3</b>                      | <b>3</b>          | <b>0</b>              | <b>3</b>    | <b>3</b>                                         | <b>3</b>                               | <b>3</b>                                                                           |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh An Giang;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- UBND cấp huyện; UBND cấp xã;
- Công thông tin điện tử tỉnh(đăng tải B/C);
- Lưu: HCTC, TH.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Thanh Bình**